

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SGDĐT

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10  
trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên năm học 2025- 2026**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS), tuyển sinh trung học phổ thông (THPT); số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường phổ thông dân tộc nội trú; số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ các Văn bản của UBND tỉnh: số 13/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên; số 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng- an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên; số 728/UBND-KGVX ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc tuyển sinh các trường THCS&THPT, THPT, phổ thông DTNT THPT và THPT Chuyên Lê Quý Đôn năm học 2025-2026;

Tiếp theo Công văn số 970/SGDĐT-GDTrH ngày 10/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh cấp trung học năm học 2025-2026;

Xét Tờ trình số 123/TTr-PTDTNTHĐB ngày 17/6/2025 của trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên về việc đề nghị phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển lớp 10, năm học 2025 - 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học, Sở Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách gồm 210 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2025 - 2026 trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên.

Điểm chuẩn (điểm trúng tuyển) cụ thể như sau:

| TT | Xã, Phường  | Tuyển<br>thắng | 10% học sinh người<br>dân tộc Kinh |               | Học sinh người dân tộc<br>thiểu số |            |
|----|-------------|----------------|------------------------------------|---------------|------------------------------------|------------|
|    |             |                | SL trúng<br>tuyển                  | Điểm<br>chuẩn | SL trúng<br>tuyển                  | Điểm chuẩn |
| 1  | Thanh Nưa   | 02             | 0                                  | 0             | 3                                  | 17,75      |
| 2  | Thanh Hưng  | 0              | 0                                  | 0             | 7                                  | 18,3       |
| 3  | Thanh Chăn  | 0              | 0                                  | 0             | 5                                  | 16,1       |
| 4  | Thanh Luông | 0              | 0                                  | 0             | 5                                  | 13,95      |
| 5  | Thanh Xương | 0              | 0                                  | 0             | 10                                 | 18,3       |
| 6  | Thanh Yên   | 0              | 0                                  | 0             | 5                                  | 16,85      |
| 7  | Thanh An    | 0              | 0                                  | 0             | 5                                  | 16,25      |
| 8  | Noong Luống | 0              | 0                                  | 0             | 5                                  | 18,45      |

| TT          | Xã, Phường   | Tuyển<br>thăng | 10% học sinh người<br>dân tộc Kinh |       | Học sinh người dân tộc<br>thiểu số |       |
|-------------|--------------|----------------|------------------------------------|-------|------------------------------------|-------|
| 9           | Noong Hẹt    | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 15,05 |
| 10          | Pom Lót      | 0              | 0                                  | 0     | 6                                  | 17,65 |
| 11          | Sam Mún      | 0              | 0                                  | 0     | 7                                  | 17,9  |
| 12          | Núa Ngam     | 0              | 0                                  | 0     | 3                                  | 11,4  |
| 13          | Nà Nhạn      | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 14,5  |
| 14          | Nà Tấu       | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 11,45 |
| 15          | Mường Phăng  | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 14,85 |
| 16          | Nam Thanh    | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 12,8  |
| 17          | Thanh Trường | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 16,3  |
| 18          | Him Lam      | 0              | 0                                  | 0     | 0                                  | 0     |
| 19          | Noong Bua    | 0              | 0                                  | 0     | 0                                  | 0     |
| 20          | Thanh Minh   | 0              | 0                                  | 0     | 5                                  | 16,2  |
| 21          | Mường Nhà    | 0              | 0                                  | 0     | 7                                  | 15,55 |
| 22          | Hua Thanh    | 0              | 0                                  | 0     | 12                                 | 13,6  |
| 23          | Mường Pồn    | 0              | 0                                  | 0     | 13                                 | 15,2  |
| 24          | Na U'        | 0              | 0                                  | 0     | 9                                  | 13,8  |
| 25          | Hệ Muông     | 0              | 1                                  | 13,75 | 11                                 | 12,45 |
| 26          | Phu Luông    | 0              | 1                                  | 13,55 | 12                                 | 12,0  |
| 27          | Mường Lói    | 0              | 0                                  | 0     | 12                                 | 11,85 |
| 28          | Pa Thơm      | 04             | 0                                  | 0     | 4                                  | 11,6  |
| 29          | Na Tông      | 0              | 1                                  | 20,75 | 12                                 | 10,45 |
| 30          | Pá Khoang    | 0              | 0                                  | 0     | 13                                 | 12,1  |
| <b>Tổng</b> |              | <b>06</b>      | <b>03</b>                          |       | <b>201</b>                         |       |

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên có trách nhiệm tổ chức thông báo tới học sinh trúng tuyển. Học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 được tham gia học tập tại trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên, các đơn vị liên quan và học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng GDĐT, các trường THPT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDTrH.

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Tuyết Ban**